

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 -12 - 2020

V/v: Ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lưu Danh Sử.
2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Quang Trung – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 240/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Chị Đinh Huyền L, sinh năm 1995.

Địa chỉ: khu Ch, Thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Tại phiên tòa anh T có mặt, chị L có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn Anh Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và Chị Đinh Huyền L kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 30/12/2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống với nhau cùng gia đình anh tại Thôn B, xã V, huyện N. Hai vợ chồng anh chị chỉ sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng và gia đình không hòa hợp nảy sinh nhiều bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xung đột. Hiện chị Linh đã bỏ về quê chị tại khu Chi, Thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình sinh sống. Anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị L trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên anh xin ly hôn với chị L để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh xác định anh và chị L không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn Chị Đinh Huyền L được thể hiện tại văn bản trả lời gửi cho Tòa án qua đường bưu điện: chị L thừa nhận thời gian kết hôn và chung sống như anh Ttrình bày là đúng. Theo chị mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không hòa hợp bất đồng quan điểm, do không chịu được nên chị và anh Tchính thức ly thân vài năm nay. Trong thời gian đó không ai quan tâm và hỏi han nhau. Nay anh Txin ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý vì chị xác định vợ chồng ly thân đã lâu, bản thân chị cũng không còn tình cảm với anh Tuyền.

Về con chung: Chị xác định chị và anh Tkhông có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không có yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 20/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện N với UBND xã V, huyện N thì anh Tvà chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Về mâu thuẫn giữa anh Tvà chị L ủy ban chỉ nắm được là do không hợp, vợ chồng đã sống ly thân.

Tại phiên tòa anh Tvẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với Chị Đinh Huyền L.

Tại đơn xin xử vắng mặt bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn với anh Tuyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu Chi, Thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình, tuy nhiên Chị Đinh Huyền L có đơn chọn Tòa án nhân dân huyện N là nơi giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: chị L đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L là có căn cứ.

[2]. Về nội dung: *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Tvà chị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hòa hợp. Bản thân các bên cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn và hiện nay đã ly thân. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị L là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Các bên xác định không có con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của Anh Phạm Văn T. Xử lý hôn giữa Anh Phạm Văn T và Chị Đinh Huyền L.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Văn T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ly hôn số AA/2018/0000650 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đinh Huyền Linh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã V.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh